

Động cơ học tập và giải pháp tự học nâng cao chất lượng học tập tiếng Trung của sinh viên Trường Đại học Điện lực

Vũ Thị Huế*

*TS. Khoa ngoại ngữ, Trường Đại học Điện Lực

Received: 24/7/2023; Accepted: 01/8/2023; Published: 8/8/2023

Abstract: The article uses the survey method by the questionnaire, and interviews to survey Chinese learning motivation and self-study status of students at Electricity University. The study conducted a survey of 111 students at the University of Electricity. The survey results show that internal motivation (development of Chinese language skills for the future) and extrinsic motivation (job prospects and job search ability) make an important contribution to the students' learning process. The article also proposes some methods of self-studying Chinese to improve the learning quality of students at Electric Power University.

Keywords: Learning motivation, intrinsic motivation, extrinsic motivation, Chinese language, self-study, Chinese language, Electric Power University

1. Đặt vấn đề

Theo như Tâm lý học giáo dục, khi người học thiếu động cơ học tập (ĐCHT) thì họ rất khó có khả năng tập trung và duy trì việc tiếp thu tri thức một cách tích cực trong khi học. Xuất phát từ nhu cầu học tiếng Trung phục vụ cho công việc và đạt được năng lực ngoại ngữ chuẩn đầu ra theo quy định của Bộ Giáo dục, nhiều sinh viên (SV) lựa chọn tiếng Trung làm ngoại ngữ để học trên trường. Ngày nay, ngoại ngữ không chỉ là môn học bắt buộc ở các trường đại học, mà nó đã trở thành công cụ giao tiếp, hỗ trợ đắc lực cho việc học tập, nghiên cứu và công việc. Thông qua nghiên cứu ĐCHT, phương pháp tự học (TH) của SV, bài nghiên cứu đưa ra các ứng dụng của phương pháp TH để SV có phương pháp học tập phù hợp với bản thân, phát huy năng lực, nâng cao hiệu quả học tập.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. *Động cơ học tập:* Theo từ điển Tiếng Việt: “Động cơ là những gì thôi thúc con người có những ứng xử nhất định một cách vô thức hay hữu ý và thường gắn liền với những nhu cầu”. [5]

Theo Phan Trọng Ngọ: “ĐCHT là cái mà việc học của họ phải đạt được để thỏa mãn nhu cầu của mình. Nói ngắn gọn, học viên học vì cái gì thì đó chính là ĐCHT của học viên”. [4]

2.1.2. *Tự học và vai trò của TH:* Theo Từ điển Giáo dục học, “TH là quá trình tự mình lĩnh hội tri thức khoa học và rèn luyện kỹ năng thực hành không có sự hướng dẫn của giáo viên và sự quản lý trực tiếp của

cơ sở GD-ĐT” [1].

Tác giả Nguyễn Kỳ cho rằng: TH là hoạt động trong đó người học tích cực chủ động, tự mình tìm ra tri thức kinh nghiệm bằng hành động của mình, tự thể hiện mình. TH là người học tự đặt mình vào tình huống học, vào vị trí nghiên cứu, xử lý các tình huống, giải quyết các vấn đề, thử nghiệm các giải pháp [3].

Có rất nhiều khái niệm về TH, trong phạm vi của bài viết này, theo chúng tôi: “ TH là quá trình người học chủ động, tự mình lĩnh hội tri thức bằng năng lực cá nhân để đạt được mục đích của mình”.

TH giúp cho người học có thể chủ động học tập suốt đời, là cốt lõi của việc học tập, giúp người học có thể học tập suốt đời, học ở những môi trường và điều kiện khác nhau, ở những lĩnh vực kiến thức khác nhau, có thể tự chiếm lĩnh kiến thức, biến cái của nhân loại thành cái của riêng bản thân mình, TH là để tự mình khẳng định mình, là con đường dẫn đến thành công của người học.

2.1.3. *Mối quan hệ giữa ĐCHT và hoạt động TH của SV*

ĐCHT là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động học tập, TH của người học. ĐCHT đúng đắn sẽ khiến người học học tập một cách tích cực, hứng thú, say mê; ngược lại, ĐCHT không phù hợp làm cho người học chán nản, việc học tập mang tính chất đối phó, miễn cưỡng. Do vậy, bài nghiên cứu “ĐCHT và phương pháp TH tiếng Trung” là rất cần thiết cho SV, giảng viên (GV) Trường đại học Điện Lực nói riêng và các trường đào tạo ngoại ngữ 2 (tiếng Trung) nói

chung trong việc nâng cao chất lượng học và dạy.

2.2. Đối tượng, khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. *Đối tượng nghiên cứu:* Bài viết nghiên cứu thực trạng động lực học tập và TH của SV Trường Đại học Điện Lực.

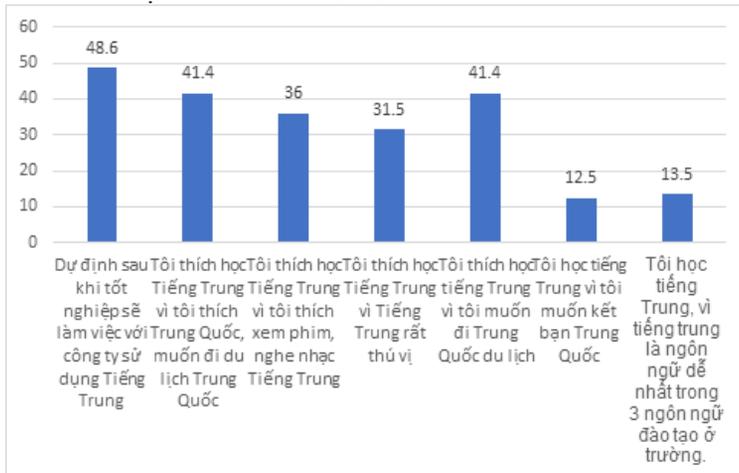
2.2.2. *Khách thể nghiên cứu:* Chúng tôi tiến hành điều tra bằng bảng hỏi với 111 SV lựa chọn tiếng Trung làm môn học ngoại ngữ trong chương trình đào tạo của Trường Đại học Điện lực.

2.2.3. *Phương pháp nghiên cứu:* Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Phiếu điều tra được thiết kế với 3 nội dung nhóm câu hỏi: Các câu hỏi ĐCBT; nhóm câu hỏi động cơ bên ngoài (ĐCBN) và nhóm câu hỏi liên quan TH.

2.3. Thực trạng ĐCHT và TH tiếng Trung của SV Trường Đại học Điện lực

2.3.1. Thực trạng ĐCHT tiếng Trung

(1) Động cơ bên trong (ĐCBT): ĐCBT là mục tiêu phấn đấu mà người học đặt ra cho mình. ĐCBT tập trung nhiều ở giai đoạn bắt đầu học tiếng Trung, và chiếm tỉ lệ cao hơn so với ĐCBN.

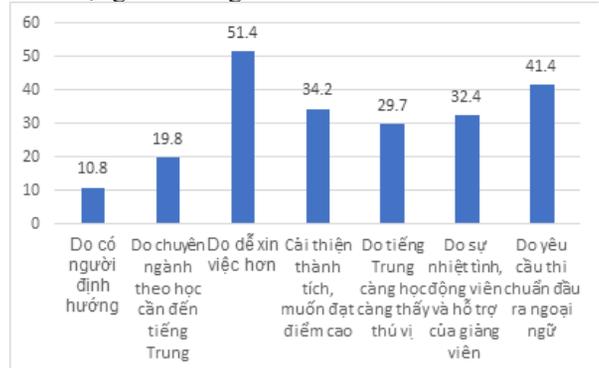


Biểu đồ 2.1: ĐCBT học tập tiếng Trung (có nhiều lựa chọn)

Trong biểu đồ 2.1, có thể thấy ban đầu động cơ để SV lựa chọn học tiếng Trung hầu hết xuất phát từ nhu cầu của chính bản thân SV, trong đó động cơ “dự định sau khi tốt nghiệp sẽ làm việc với công ty sử dụng tiếng Trung” (48,6%), “Tôi thích học Tiếng Trung vì tôi thích Trung Quốc, muốn đi du lịch Trung Quốc” (41,4%), “Tôi thích học tiếng Trung vì tôi thích xem phim, nghe nhạc Tiếng Trung” (36%), “Tôi thích học tiếng Trung vì tiếng Trung rất thú vị”(31,5%). Qua kết quả khảo sát trên cho thấy SV rất thích tiếng Trung, và cảm thấy tiếng Trung rất thú vị. Chỉ có một số ít SV có động lực do muốn kết bạn với người

Trung Quốc và do là môn học dễ nhất trong 3 ngôn ngữ đào tạo tại trường.

- Động cơ bên ngoài:



Biểu đồ 2.2: ĐCBT học tập tiếng Trung (có nhiều lựa chọn)

ĐCBN là những ảnh hưởng, tiêu chí của xã hội đặt ra, và nó có tác động không nhỏ đến quá trình học tập cũng như chất lượng học tập của SV. Nếu như trong giai đoạn đầu học tiếng Trung có 10,8% lựa chọn học tiếng Trung vì do có người định hướng, 19,8% số SV học tiếng Trung do chuyên ngành học cần đến tiếng Trung. Trong quá trình học tập, SV đã nhận thấy giá trị tiếng Trung mang lại, như học tiếng Trung dễ xin việc hơn (51,4%), đồng thời sau một khoảng thời gian học tập ngắn nữa, SV cũng thấy rằng nếu có phương pháp học tập phù hợp thì tiếng Trung không quá khó, và muốn dùng tiếng Trung để cải thiện thành tích, muốn đạt điểm cao (34,2%), và đặc biệt là SV phát hiện ra tiếng Trung càng học càng thấy thú vị, không khó như những gì mình tưởng tượng (29,7%).

Ngoài ra, ĐCHT tiếng Trung còn do yêu cầu chuẩn đầu ra ngoại ngữ của nhà trường. Vì thế có nhiều SV vì động cơ này để tập trung học tập tiếng Trung cho tốt, chiếm 41,4%. Nhiều SV cho rằng sự nhiệt tình, động viên và hỗ trợ của GV có ảnh hưởng rất lớn trong quá trình học tập tiếng Trung, chiếm 32,4%.

2.3.2. Thực trạng TH tiếng Trung của SV Trường Đại học Điện lực

- Thời gian TH của SV: Qua kết quả điều tra, phần lớn SV có thời gian TH tiếng Trung trung bình một ngày dưới 1 tiếng, chiếm 67,6%, trong khi đó chỉ có một số ít SV được khảo sát TH trên 3 tiếng, chiếm 5,4%. Lí giải cho điều này là do ngoài thời gian học trên lớp, SV còn bận đi làm thêm, tham gia hoạt động

phong trào của nhà trường, nơi ở...vv.

- Thời điểm TH: Qua kết quả điều tra chúng tôi thấy, có 82.9% SV tiến hành TH trước khi kiểm tra và kết thúc học phần nhằm để đạt điểm cao và 65.8% SV TH do giảng viên yêu cầu, vì SV bị chịu sự chi phối của điểm thành phần trong quá trình. Điều này cũng phản ánh SV học vì thành tích, vì điểm cao rất nhiều. Có 3.5% SV TH mọi nơi, mọi lúc và những SV này thường dành nhiều thời gian cho môn học tiếng Trung.

- Hoạt động của SV khi TH: Qua khảo sát cho thấy, trong các hoạt động TH, SV hứng thú nhất hoạt động làm đề cương và học nhóm, chiếm 74,8% và 61,3%. SV chủ động đọc sách và tìm tài liệu tham khảo khác để học thêm rất ít, có 27%. Có thể SV có quan niệm đây là một môn học điều kiện trong chương trình đào tạo, nên không tập trung nhiều vào một môn học khá xa lạ về ngôn ngữ và phức tạp về chữ viết.

2.3. Một số giải pháp TH nhằm nâng cao động lực học tập tiếng Trung của SV Trường Đại học Điện Lực

(1) Thường xuyên mở rộng từ vựng: Để mở rộng và ghi nhớ từ vựng tiếng Trung, chúng ta có thể bằng cách thông qua hình ảnh, như “Nhìn tranh và nói” hoặc bằng cách lập sơ đồ tư duy. Ví dụ, có từ trung tâm là “夏天”(mùa hè), ta sẽ phát triển các từ vựng liên quan đến mùa hè như: 暑假 (kỳ nghỉ hè, 热 (nóng), 旅行 (du lịch), 游泳 (bơi), 海边 (biển)...vv.

(2) Thường xuyên tự luyện đọc: SV nên luyện “đọc rộng”, tức là ngoài những tài liệu học tập trên lớp, SV cần TH, tìm các tài liệu khác để đọc thêm. SV có thể tìm những tài liệu để đọc thông qua sách, báo, tạp chí...vv trên bản in hoặc bản điện tử.

(3) Thường xuyên tự luyện nghe: Thường xuyên nghe không chỉ giúp phát triển kỹ năng nghe hiểu, mà còn có thể cải thiện các kỹ năng khác như: ngữ âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp... vv. Chúng ta cũng có thể nghe tập trung hoặc nghe “thư giãn”. Các website và app luyện nghe tiếng Trung hiệu quả như: CSLPOD, Melnyks Podcast/Audio Course, Popup Chinese, Just Learn Chinese...vv. SV có thể thông qua phim ảnh, nghe nhạc hay các kênh youtube, tiktok để có thể TH, nâng cao khả năng nghe hiểu của mình.

(4) Thường xuyên tự luyện nói: Người học có thể tự luyện nói thông qua hình thức đối thoại hoặc độc thoại. Ngoài ra, có thể thông qua các ứng dụng công nghệ, giúp người học tự luyện nói, luyện phát âm và học từ vựng một cách hiệu quả như: Hello Talk,

Wechat...vv.

(5) Thường xuyên viết nhật kí: Viết nhật kí là một cách TH tiếng Trung để luyện khả năng viết rất hiệu quả. Chúng ta có thể bắt đầu viết từ những câu ngắn, đơn giản, biểu đạt những suy nghĩ, cảm xúc của mình hay miêu tả những gì bạn nhìn thấy xung quanh, kể lại một ngày của bạn...vv.

(6) Thường xuyên tham gia các câu lạc bộ, các diễn đàn: Khi tham gia các câu lạc bộ tiếng Trung, SV sẽ có nhiều cơ hội để trình bày quan điểm của mình, đưa ra những ý kiến xử lý tình huống, vấn đề một cách thông minh nhất.

(7) Tham gia những khóa học trực tuyến: Các khóa học trực tuyến có thể là miễn phí hoặc mất phí, ở trong nước hay ngoài nước. SV có thể đăng kí tham gia học một số chương trình học bổng hỗ trợ miễn phí học online của các trường đại học Trung Quốc.

3. Kết luận

Qua khảo sát ĐCHT và thực trạng TH tiếng Trung của SV Trường Đại học Điện Lực cho thấy SV có động lực học tập tiếng Trung rất cao, đặc biệt là động lực học vì công việc và vì điều kiện ra trường, nhưng SV vẫn đang lúng túng trong việc tìm ra phương pháp phù hợp nâng cao chất lượng học tập của mình. Thông qua kết quả nghiên cứu chúng tôi đưa ra những biện pháp TH để nâng cao chất lượng tiếng Trung của SV Trường Đại học Điện lực.

*Bài viết này là một phần kết quả của nghiên cứu được Trường ĐH Điện lực cấp kinh phí thực hiện đề tài cấp trường dưới mã số đề tài ĐTKHCN.05/2022.

Tài liệu tham khảo

[1] Bùi Hiền (2001), *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa.

[2] Nguyễn Thúy Hạnh(2022), *Một số giải pháp TH giúp giảng viên đại học nâng cao năng lực ngoại ngữ*, Tạp chí Giáo dục, 22(4), 29-33.

[3] Nguyễn Kỳ, Vũ Văn Tảo, Bùi Tường (2002), *Quá trình dạy – TH*, NXB Giáo dục.

[4] Phan Trọng Ngọc (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[5] Nguyễn Trọng Nhân, T. T. (2014), *Những nhân tố ảnh hưởng đến ĐCHT của SV ngành Việt Nam học*, Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ, số 33, tr 106-113.

[6] 慈玉(2016), 泰国汉语自学现状调查研究——以蓝康恒大学自学者为调查对象, 四川师范大学硕士学位.

[7] 于曼雯 (2019), 东南亚本科留学生汉语自主学习的能力调查与分析, 青年与社会.